TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THÀNH** **TỈNH NGHỆ AN** Bản án số: 02/2018/KDTM-ST Ngày: 27-07-2018 V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Thọ - Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Trọng Thế và ông Phan Ngọc Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hiền – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 07 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2018/TLST-KDTM, ngày 14 tháng 03 năm 2018 về việc " Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2018/QĐST-KDTM, ngày 12 tháng 07 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng thương mại Cổ phần S;

Địa chỉ trụ sở: Phường T, quận B, thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền ông Phạm Việt Đ – Trưởng phòng giao dịch D, địa chỉ phòng: Khối B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Nghệ An (Ông Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ tổng giám đốc ủy quyền cho ông Tạ Quang V, chức vụ giám đốc chi nhánh Nghệ An theo giấy ủy quyền số 3842/2017/GUQ-PL ngày 14 tháng 12 năm 2017; ông Tạ Quang V ủy quyền lại cho ông Phạm Việt Đ, chức vụ: Phó giám đốc chi nhánh Nghệ An kiêm trưởng phòng giao dịch D, theo giấy ủy quyền số 465/2018/GUQ –CNNA, ngày 28 tháng 06 năm 2018) (có mặt)

- *Bị đơn*:

Ông Nguyễn Văn Th – Đại diện hộ gia đình kinh doanh cá thể.

Nơi cư trú: Xóm Ph, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An. (vắng mặt).

Bà Võ Thị H, nơi cư trú: Xóm Ph, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An. (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn B, nơi cư trú: Xóm P, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 10 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S tín trình bày:

Ngày 24 tháng 07 năm 2015, khách hàng ông Nguyễn Văn Th và bà Võ Thị H có quan hệ tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần S – Chi nhánh Nghê An – Phòng giao dịch D như sau:

Số hợp đồng tín dụng hạn mức LD1520300010 ngày 24 tháng 07 năm 2015, số tiền vay 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), thời hạn vay 12 tháng, thời hạn mỗi giấy nhận nợ 06 tháng, thời điểm nhận nợ vay đầu tiên ngày 27 tháng 07 năm 2015, thời điểm trả hết nợ ngày 27 tháng 04 năm 2016.

Biện pháp bảo đảm: 01 quyền sử dụng đất số BP 653519 tại xóm Ph, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An, thửa số 1557, tờ bản đồ số 15, mục đích sử dụng: đất ở, diện tích 195 m2 do Ủy ban nhân dân huyện Y cấp cho ông Nguyễn Văn B. Tài sản gắn liền với đất: Đất trống. Tài sản trên đã được thế chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài G – Phòng giao dịch D theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số LD1520300010/HĐTC, ký ngày 24 tháng 07 năm 2015 và các thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng trên.

Trong quá trình vay, đến hạn thanh toán gốc, lãi vay ngày 27/04/2016 nhưng ông Nguyễn Văn Th, bà Võ Thị H không thanh toán như cam kết trong hợp đồng tín dụng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng khách hàng vẫn không có thiện chí trả nợ. Do khách hàng Nguyễn Văn Th, Võ Thị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 28/04/2016 Ngân hàng TMCP Sài G – chi nhánh Nghệ An- phòng giao dịch D đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Ngày 03 tháng 10 năm 2017 Ngân hàng thương mại cổ phần S – chi nhánh Nghệ An- phòng giao dịch D đã thông báo về việc chấm dứt hợp đồng tín dụng và thu hồi nợ cho ông Nguyễn Văn Th, bà Võ Thị H, bên bảo lãnh ông Nguyễn Văn B.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với khách hàng và gia đình khách hàng Nguyễn Văn Th, Võ Thị H, yêu cầu khách hàng có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để khách hàng trả nợ, tuy nhiên khách hàng vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký. Do đó yêu cầu ông Nguyễn Văn Th, bà Võ Thị H, bên bảo lãnh ông Nguyễn Văn B:

- Phải trả ngay cho Ngân hàng tính đến ngày 27/07/2018: Số tiền 549.985.833 đồng (Bằng chữ: Năm trăm bốn mươi chín triệu, chín trăm tám mươi lăm nghìn, tám trăm ba mươi ba đồng) trong đó (nợ gốc 400.000.000 đồng; lãi suất trong hạn: từ ngày 28/04/2016 đến ngày 27/07/2018 là 400.000.000 đồng x 853 ngày x 10,55%/ năm = 99.990.556 đồng; lãi suất quá hạn: 50% x 99.990.556 đồng = 49.995.278 đồng) và lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng.

-Trong trường hợp khách hàng Nguyễn Văn Th, Võ Thị H không trả được nợ hoặc không trả đủ nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần S – chi nhánh Nghệ An, phòng giao dịch D, thì cho phát mãi ngay toàn bộ tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết.

-Trường hợp sau khi khách hàng Nguyễn Văn Th, Võ Thị H bán tài sản đảm bảo mà không đủ bù đắp số tiền vốn gốc nợ vay, tiền lãi vay, lãi phạt có liên quan, chi phí tòa án, chi phí phát mãi tài sản (nếu có) thì khách hàng Nguyễn Văn Th, Võ Thị H có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu.

Tại đơn biên bản hòa giải ngày 27 tháng 04 năm 2018 và trong quá trình xét xử, bị đơn ông Nguyễn Văn Th trình bày:

Ông Th thừa nhận vào ngày 24 tháng 07 năm 2015 Ông và vợ là bà Võ Thị H có ký hợp đồng tín dụng số LD1520300010, vay tiền của Ngân hàng thương mại cổ phần S chi nhánh huyện D, tỉnh Nghệ An. Tuy nhiên khi ký hợp đồng chỉ vay số tiền là 120.000.000 đồng. Khi vay các bên có làm đầy đủ thủ tục qui định, khi làm thủ tục vay thì có anh Nguyễn Minh Th thời điểm đó là Trưởng phòng giao dịch D là người trực tiếp làm các thủ tục cho ông Th, bà H. Sau khi làm xong thủ tục anh Th chỉ giao cho vợ chồng Ông 120.000.000 đồng. Hàng tháng vợ chồng gửi tiền anh Th để anh Th nạp lãi vì anh Th là hàng xóm, anh Th tính lãi của 120.000.000 đồng. Vào khoảng tháng 03 năm 2016 bên ngân hàng có giấy báo về việc vợ chồng chưa nạp lãi của 400.000.000 đồng, thời điểm đó anh Th cũng bỏ khỏi Ngân hàng nên Ông không có ai để hỏi cụ thể.

Nay Ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông trả nợ 400.000.000 đồng tiền gốc và 96.899.232 đồng tiền lãi thì Ông chỉ chấp nhận trả 120.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất, lãi suất quá hạn của 120.000.000 đồng là vì Ông chỉ làm thủ tục vay Ngân hàng 120.000.000 đồng. Còn lại thì đề nghị phía Ngân hàng xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, công bố việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa và việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án tuân theo pháp luật của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 30 BLTTDS; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 280, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 ; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc ông Th và bà H trả tiền

gốc, lãi suất cho Nguyên đơn là 549.985.833 đồng; Ông Th và bà H không trả được tiền nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp của ông Nguyễn Văn B; bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến trình bày của ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn Th, bà Võ Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B có địa chỉ rõ ràng trong hợp đồng tín dụng. Đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Th, bà H, ông B đều vắng mặt phiên họp không có lý do.

Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 2 thì ông Th có mặt, bà H và ông B vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành phiên họp và đã tống đạt kết quả phiên họp cho bà H, ông B.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho ông Th, bà H, ông B nhưng ông Th, bà H, ông B vắng mặt tại phiên tòa lần 2, không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp với khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[2]Về yêu cầu khởi kiện: Ngày 24/07/2015, Ngân hàng thương mại cổ phần S chi nhánh huyện D, tỉnh Nghệ An và vợ chồng ông Th, bà H có ký kết hợp đồng tín dụng số LD1520300010 HĐTC. Theo đó vợ chồng ông Th, bà H đã vay số tiền 400.000.000, thời hạn trả nợ 27/04/2016, mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh, lãi suất trong hạn 10,55%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 50% lãi suất trong hạn.

Để bảo đảm khoản nợ cho vay trên, anh B đứng ra bão lảnh thế chấp tài sản và quyền sử dụng đất tại thửa số 1557, tờ bản đồ số 15, loại đất ở, địa chỉ xóm Ph, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BP 653519 do Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Nghệ An cấp ngày 06/01/2014, mang tên Nguyễn Văn B, theo hợp đồng thế chấp số LD1520300010 HĐTC ngày 24/07/2015, đã được kí kết giữa ngân hàng và anh B.

Hết thời hạn vay, vợ chồng ông Th, bà H đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ mặc dù ngân hàng đã nhiều lần làm việc và yêu cầu trả nợ. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 27/07/2018, ông Th, bà H còn nợ ngân hàng tổng cộng 549.985.833 đồng (trong đó nợ gốc 400.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 99.990.556 đồng, lãi suất quá hạn 49.995.278 đồng)

Nay Ngân hàng yêu cầu ông Th, bà H phải trả số tiền 549.985.833 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số LD1520300010 HĐTC ngày

24/07/2015, từ ngày 28/07/2018 cho đến khi thanh toán xong số dư nợ gốc. Trường hợp vợ chồng ông Th, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ số nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định pháp luật. Nếu thu hồi không đủ số tiền nợ và chi phí liên quan thì ông Th, bà H phải tiếp tục trả số tiền còn thiếu.

Hội đồng xét xử xét thấy Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1520300010 HĐTC ngày 24/07/2015 và hợp đồng thế chấp tài sản quyền sử dụng đất số LD1520300010 HĐTC ngày 24/07/2015 đã được các bên ký kết trước công chứng viên, Văn phòng Công chứng Đào Xuân Năm; theo hợp đồng, Ngân hàng đã chuyển 400.000.000 đồng vào tài khoản ông Th ngày 27/07/2015, sau đó ông Th đã ủy nhiệm chi cho Ngân hàng 400.000.000 đồng để trả nợ tiền hàng cho ông Th, bà H; ông Th, bà H đã thanh toán tiền lãi của 400.000.000 đồng, lãi suất 10.55%/năm đến ngày 27/04/2016. Như vậy hợp đồng hợp pháp về cả nội dung, hình thức đã được các bên thực hiện cần được chấp nhận.

Ông Th thừa nhận Ông và bà Võ Thị H (vợ ông) có ký hợp đồng tín dụng số LD1520300010 với Ngân hàng thương mại cổ phần S chi nhánh huyện D, tỉnh Nghệ An. Nhưng chỉ vay số tiền là 120.000.000 đồng và thực tế anh Th nguyên trưởng phòng chi nhánh D, tỉnh Nghệ An giao cho ông 120.000.000 đồng. Hàng tháng vợ chồng gửi tiền anh Th để anh Th nạp lãi vì anh Th là hàng xóm, anh Th tính lãi của 120.000.000 đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông trả nợ 400.000.000 đồng tiền gốc và 96.899.232 đồng tiền lãi thì Ông chỉ chấp nhận trả 120.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất, lãi suất quá hạn của 120.000.000 đồng là vì Ông chỉ làm thủ tục vay Ngân hàng 120.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy theo hợp đồng tín dụng hạn mức và các tài liệu chứng cứ kèm theo ông Th và bà H đã ký hợp đồng vay 400.000.000 đồng và đã được Ngân hàng chuyển 400.000.000 đồng vào tài khoản của ông, ông Th thanh toán lãi suất của 400.000.000 đồng đến ngày 27/04/2016 như vậy đủ cơ sở khẳng định ông Th, bà H vay 400.000.000 đồng; mặt khác ông Th, bà H không có tài liệu chứng minh Ông và bà H vay Ngân hàng 120.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến của ông Th.

Việc quan hệ vay mượn giữa ông Th và ông Th có thỏa thuận thế nào là quan hệ cá nhân, ông Th gặp ông Th để giải quyết, nếu không giải quyết được thì Ông viết đơn yêu cầu các Cơ quan chức năng giải quyết để bảo vệ quyền lợi cho Ông.

Ông Th, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả lãi suất hàng tháng từ ngày 28 tháng 04 năm 2016 đến nay và trả nợ gốc là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Th, bà H phải trả cho ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tổng 549.985.833 đồng

[3]Về án phí:

Bị đơn ông Th, bà H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 20.000.000 đồng + (549.985.833 đồng – 400.000.000 đồng) x 4% = 25.999.433 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 4; Điều 306 Luật Thương mại; Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng 2010; Điều 317, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166; Điều 167 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 273; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S.

2.Buộc ông Nguyễn Văn Th và bà Võ Thị H phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền còn nợ gồm:

-Tiền gốc 400.000.000 đ (Bốn trăm triệu đồng).

-Tiền lãi trong hạn: 99.990.556đ (Chín mươi chín triệu, chín trăm chín mươi nghìn, năm trăm năm mươi sáu đồng)

-Tiền lãi quá hạn: 49.995.278đ (Bốn mươi chín triệu, chín trăm chín mươi lăm nghìn, hai trăm bảy mươi tám đồng)

Tổng cộng: 549.985.833đ (Năm trăm bốn mươi chín triệu, chín trăm tám mươi lăm nghìn, tám trăm ba mươi ba đồng).

3. Xử lý tài sản thế chấp: Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật ông Nguyễn Văn Th và bà Võ Thị H không trả hoặc trả không đủ tiền nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần S thì Ngân hàng thương mại cổ phần S có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm thửa đất số 1557, tờ bản đồ số 15, diện tích 195 m2 tại xóm Ph, xã Đ, huyện Y theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BP 653519 do Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Nghệ An cấp ngày 06/01/2014, mang tên Nguyễn Văn B.

Ông Nguyễn Văn Th, bà Võ Thị H trả đủ tiền nợ trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần S có nghĩa vụ trả lại thửa đất số 1557, tờ bản đồ 15, địa chỉ xóm Ph, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An (nếu đã nhận tài sản) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 653519 do Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Nghệ An cấp ngày 06/01/2014 cho ông Nguyễn Văn B.

3.Án phí:

Ông Nguyễn Văn Th và bà Võ Thị H phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 25.999.433đ (Hai mươi lăm triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn, bốn trăm ba mươi ba đồng).

Ngân hàng thương mại cổ phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.938.000đ *(Mười một triệu, chín trăm ba mươi tám nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0003343 ngày 23 tháng 03 năm 2018 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Yên Thành.

4. Nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn VănTh, bà Võ Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của tổng số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kì của Ngân hàng thì lãi suất mà ông Nguyễn Văn Th, bà Võ Thị H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Yên Thành;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Cơ quan thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu kết quả;
- Đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Xuân Thọ